

Nhớ Về Quê Mẹ

Việt-Phong

Kính tặng những bậc Hiền Mẫu muốn
đời của Việt-Nam bất diệt.

Việt-Nam, hỏi mẹ yêu dấu của con ơi! Con tuy lạc loài nơi hải ngoại nhưng lúc nào cũng hướng về Lòng Mẹ Việt-Nam đã ấp ủ con từ ngay còn trong nước, chăm dưỡng cho con được chóng lớn chóng ngoan, từ bước một, đến tập - tễnh bước vào đường đời, vào chỗ chông gai đau khổ, mà không mất phương hướng cũng như nghi-lục.

Von còn nhớ những giây phút mẹ phải hết nước mắt vì con. Mẹ lo sợ cho con vấp, đau ốm, hư hỏng. Mẹ lúc nào cũng nặng một vẻ dăm chiêu, lo sợ cho tương lai của con mình. Mẹ đi, lớn lên, con biết Mẹ đã chịu biết bao gian truân khổ nhục vì con, mà lòng Mẹ vẫn âm thầm đón nhận một mình những cay đắng ở đời cũng vì con. Lòng Mẹ Việt-Nam bao la như biển cả muôn trùng, công Mẹ Việt-Nam dày rộng như vũ-tru vô cùng tận.

Mẹ ơi, xin Mẹ tha lỗi cho con. Hồi còn nhỏ dại, con đã làm khổ lòng Mẹ biết bao nhiêu. Mẹ phải đầu tắt mặt tối, tay lấm chân bùn, chạy đông tây bắt gạ o nuôi cho con ăn học, lo lắng đêm ngày, mà nào con có biết, chỉ biết theo voi vỉnh, chọc phá, lêu lổng.... Mẹ đã dũa bọc con, che chở con, qua những đêm dãi dãi sương lạnh, qua những hồi bão tố phủ phàng. Mẹ không biết miếng ăn ngon, không biết giấc ngủ ăn là gì, vì lòng Mẹ còn nặng lo không biết con mình có đủ ăn, đủ mặc, có được mở mắt mở mày với người ta không và tương lai của con yêu dấu của con mình mai hậu sẽ ra sao mà Mẹ thì có lam trốn bốn phần không? Rồi những lúc chiều về, những ngày lễ lộc, Mẹ thành-khân đốt mầy nén hương long, khăn vái Trời Phật, Ông Tròn Gao Dầy, phù hộ cho con Mẹ luôn được bình an, hoạnh hành tấn tới, và lớn lên nên người cho đang mặt là con của Mẹ. Mà nào con có biết ơn Mẹ là gì....

Mẹ Việt-Nam yêu dấu của con ơi! Chắc qua những đêm dài vắng lạnh, Mẹ đã chờ con, và chờ con lâu lắm, và chờ con mãi mãi.... Mẹ cho con lớn lên để Mẹ nhẹ phần lo, nhưng chính phần lớn là Mẹ cũng âm thầm hy vọng rằng đứa con lớn lên sẽ nhìn thấy công Mẹ, ơn Cha, để thường kính Cha Mẹ: Và như vậy, Mẹ cũng được an ủi phần nào trong một đời cô-độc mang lấy gánh nặng lo âu trong tâm-khảm.

Mẹ ơi, xin Mẹ tha lỗi cho con. Con đã dứa đời, chạy theo tiếng gọi của xahọa phủ phàm và của lọc lõi mà quên công ơn của Mẹ, phản bội những lời tâm-huyết và kỷ-niệm của Mẹ. Mẹ đã mòn mỏi trông đợi; mà con nào có đáp lời. Nhưng, Mẹ của con ơi, còn Mẹ, còn sống, còn vui, còn thanh-luý uy-nghiêm, còn lòng miếu linh thiêng, còn nên Trời gấm vóc của nước Việt tu-do moun đời; thì con có con đường để cho con trở lại cũng Mẹ, để an-ủi Mẹ lúc tuổi về chiều, để con nên người xứng đáng là con của Mẹ. Mẹ ơi, con đã về với Mẹ và quê Mẹ sẽ chiếu đầy ánh sáng huy hoàng của mùa Hớp Mặt.

Kể một câu chuyện huyền bí giữa cái ma hội văn minh
còn khi ngày nay thật là khá lỗi thời. Làm sao tránh được
cái niềm cuối mĩa mai của những người đọc "thuộc" ! Tuy
thế, nếu có chút thi giở nhàn rồi, tôi xin anh chỉ đọc
hết chuyện này. Chuyện này đến cho tôi cách đây không lâu.
Hình ảnh người con gái ấy chưa phai mờ trong tâm trí tôi.
Cho đến ngày hôm tôi là khỏi xác, tôi vẫn không dám đoán
chắc lẽ thực hư của sự việc này ra.

Tuyết ngừng rơi chiều hôm ấy. Ánh trăng trong lành
tròn tròn tuyết trắng hoa gầy nên một vẻ đẹp lạnh lùng.
Làng Oxford nhỏ bé chìm sâu trong giấc ngủ đêm đông. Tôi
vừa đọc xong một câu chuyện "ma quái" của Edgar Poe và
đang ngồi nò nằng nài bản viết. Thình lình từ phía giường

Gái J.P. người không bao
giờ đọc chuyện này.

ngủ của tôi vang lên giọng
nói một người con gái. Tôi
sợ hãi đến điên người.

TÌNH MẬT MỘT CHIẾT XUÂN

"Là vắng rồi chiều nay trong gió rét
Đưa ngời lên quang mây đủ hương trời
Đi không gian u ám một mặt trăng
Tĩnh lặng một lần dặt trong cơn khuya."

nhật

Gác trọ của tôi ở tầng
thứ hai một ngôi nhà nhỏ nằm
trên một con đường vắng.
Không tôi có lối vào riêng.
Sự sợ hãi của tôi tăng lên
gấp vạn lần khi tôi nhớ ra
rằng tôi đã khóa cửa kỹ trước
khi ngồi vào bàn đọc sách.

Không biết làm gì hơn,
tôi quay nhìn về phía cơ
giọng nói. Bỗng rồi hiện
ra một mặt, người con gái
đứng cạnh giường tôi lập lại
lời xin lỗi : " Xin lỗi ông

tôi đã quên gò cửa trước khi vào. Trời bên ngoài khá
lạnh." Tôi đoán rằng lúc ấy mặt tôi tái hẳn đi vì cô ta
nói tiếp: " Ông trông hoảng hốt quá. Tôi xin lỗi đã làm
phiền ông." Theo phép lịch sự, tôi mời cô ta ngồi, giọng

tôi hồi run. Một phút im lặng. Và chỉ một phút sau, sự sợ hãi nơi tôi biến hẳn đi. Như người bị thôi miên, tôi nhìn người con gái ấy không chớp mắt. Cô ta có một vẻ đẹp lạ thường, cái đẹp khiến người ngắm cảm thấy bồi hồi khó tả. Điều làm tôi chú ý nhất là màu tóc của cô ta. Cô ta không có màu tóc vàng hay nâu của những người con gái tây phương. Mà tóc đen nhánh nổi bật sau gương mặt hơi xanh. Tôi rất năng động một vẻ buồn mông lung.

Người con gái ấy bắt đầu câu chuyện. Nàng chỉ cuốn sách ở tay tôi và hỏi tôi đang đọc sách gì. Như người tỉnh mộng, tôi vội vàng đáp :

- Tôi vừa đọc xong một câu chuyện ma quái.

Nàng hỏi nhanh như không cần biết là chuyện gì :

- Sao ông lại bảo là ma quái ?

- Vì đây là một chuyện ma quái.

- Ồ ra thế. Tôi ngỡ ngán thật. Giọng nàng như mĩa mai. Tôi cảm thấy hơi khó chịu.

Lại một phút im lặng. Để phá tan cái lặng im ngột ngạt đó, tôi hỏi nàng những câu hỏi thông thường của những người lạ mới quen nhau. Nàng kể rằng nhà nàng ở phía bên kia đồi, gần cạnh rừng hoang. Cha nàng là một mục sư già. Mẹ nàng về thế giới bên kia khi nàng mới lên năm. Nàng có một người em gái nhưng em nàng mất cách đây không lâu. Nàng thích đọc sách, nhất là những tác phẩm văn chương có giá trị. Nàng say mê những bài thơ nói về tình yêu và cái chết của bất cứ tác giả nước nào. Những chiều buồn, nàng thường lang thang trên đồi nhìn hoàng hôn xuống hoặc tìm mây cảnh hoa đại đen đặt trên mộ em nàng. Những đêm vắng vẻ, nàng ngồi hàng giờ bên chiếc giường-cần, đọc những bản đàn buồn nao ruột. Giọng nàng êm như ru, đồng điệu dịu dàng khiến tôi quên thực tại. Hình thoảng một nụ cười thoảng trên đôi môi xinh xắn. Những lúc ấy, nàng đẹp hơn bao giờ hết.

Sén lú, tôi kể quãng đời dĩ vãng của tôi. Nàng chăm chú nghe, đôi mắt nhìn thẳng vào mắt tôi như cô tìm ở đây một niềm thông cảm.

Trời khuya dần. Chúng tôi quên hẳn đêm dài, say sưa với câu chuyện như đôi bạn tri âm sau một thời gian dài xa cách. Cho đến bây giờ, tôi cũng không hiểu tại sao. Chẳng chẳng vì năng có một sức hấp dẫn phi thường và câu chuyện của tôi không tẻ nhạt quá.

Đến hầu tăn. Bàn ngồi nghiêng mình về phía trước, hai tay ruỗi thẳng trên mặt bàn, bóng nàng trông mỗi mết. Thung nụ cười nở hồ chưa tắt trên đôi môi xinh xắn. Bất thình lình tôi đưa tay nắm lấy tay nàng. Tôi nhìn nàng âu yếm. Tôi không dám nhận rằng những điều tôi làm là để tỏ tình yêu. Ngược lại, tôi cũng không dám chối cãi rằng đây là những cử chỉ triêu mến. Tình cảm bao giờ cũng phức tạp và nở hồ. Nàng rút nhẹ bàn tay và đứng dậy xin chào tạm biệt. Tôi xin phép của nàng về nhà, nhưng nàng nhất định không nghe, viện lý rằng không muốn phiền tôi. Tôi đưa nàng ra trước cửa. Bóng nàng khuất dần sau lũy hàng cây trở lại. Trăng ban sớm yếu ớt, nhạt màu.

Sau đêm hôn ấy, tôi thường lang thang trên đồi, mong tìm thấy người con gái với cánh hoa dại. Tôi không gặp nàng trong một thời gian khá lâu. Liên hy vọng bắt đầu vội. Một đêm nọ tôi bắt gặp nàng ngồi trên chiếc ghế dựa trong phòng tôi, có vẻ đôi chỗ. Sự mừng rỡ làm tôi quên cả ngạc nhiên. Giọng nàng âu yếm :

- Lần sau anh nên cẩn thận hơn. Anh quên khóa cửa phòng. Tôi vốn có tính cầu thả; lỗi nàng vì thế không đáng nghi ngờ. Sau mấy lời thăm hỏi thông thường, chúng tôi lại một lần say sưa với câu chuyện và quên hẳn đêm dài. Chúng tôi nói về bất cứ chuyện gì. Tôi còn nhớ khi chúng tôi bàn về cái chết, nàng hỏi tôi sau khi chết linh hồn con người sẽ về đâu.

- Thật là khó trả lời. Vấn đề khá phức tạp và chưa có ai dám chắc chắn về điều này. Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng linh hồn con người sẽ về địa ngục hay lên cõi thiên đàng.

- Anh xa vội lắm. Giọng nàng nỉm mai.

- Những đây là quan niệm chung của hầu hết mọi người.

- Anh không chối cãi rằng sau khi chết xác con người sẽ trở thành cát bụi chứ? Định hồn cũng theo xác về với cát bụi vì xác với hồn là một. Giãn đi biết bao!

- Thế cô phủ nhận sự hiện hữu của thiên đàng và địa ngục!

- Quan niệm thiên đàng và địa ngục không còn hợp thời nữa. Anh chỉ cho tôi xem đâu là thiên đàng và đâu là địa ngục nào. Thật là viễn vông, mơ hồ! Định hồn của những ai đã được về cõi thiên đàng và linh hồn xấu số nào phải đi đây chôn địa ngục? Tôi biết anh sẽ bảo rằng những người nhân đức, thanh thiện sẽ sống mãi ở chốn thiên đàng. Thế thì đến ngàn vạn năm về sau cũng chẳng có bóng một móng nào lai vãng ở cái cõi thần tiên ấy cả. Anh biết tại sao không? Tại vì con người khi sinh ra không có sẵn tính thiện hay ác. Hoặc ta cũng có thể khoan hồng cho rằng con người sinh ra với "tính bản thiện". Nhưng khó thay, khi con người phải sống chung với một người thù hằn hoặc với một đám đông - dù đó là một bộ lạc man rợ hay một xã hội văn minh - sẽ mất ngay bản tính thiện. Bàng chướng là vô số những tội ác hàng ngày ở khắp mọi nơi. Vâng, không có điều thiện trong xã hội loài người...

Hằng nói nhiều lắm nhưng tôi không buồn nghe. Tôi tự bảo thầm "lý luận đàn bà". Tôi muốn đổi đầu đề câu chuyện:

- Cứ lý luận như cô thì không bao giờ đi đến một kết luận.

- Vâng chính thế. Chính cái muốn đi đến một kết luận của anh và của loài người nói chung đã gây nên bao nhiêu là rắc rối trên thế gian này. Các anh quên mất là trên đời này không có một "kết luận". Vâng, không có một "kết luận"! Các anh tự dối mình vì các anh không đủ tài năng và can đảm nhìn xa hơn điều mà các anh gán cho cái tên "kết luận".

- Thế thì khi chết rồi không là kết luận thì là gì?

- Anh lại mâu thuẫn mất rồi. Thiên đàng và địa ngục của anh đâu?

Hằng nhìn tôi mỉm cười ranh mãnh. Hằng đưa tay như muốn bắt lấy làn hơi bốc từ cốc cà phê nóng.

- Hai chỉ mình là hơi khói chắc rồi bột khô!

Tôi không đứng được nữa. Tôi đưa tay cầm lấy tay nàng. Bàn tay nóng quỳên lấy bàn tay đầy sức sống. Tôi ngược mắt nhìn nàng. Tôi há miệng đỏ hây. Tôi nghiêng người về phía trước hôn nhẹ lên đôi môi xinh xắn của người tôi yêu.

Những ngày chúng tôi yêu nhau trôi qua trong mộng đẹp. Tôi không muốn kể lại ở đây vì những ngày ấy đã thuộc về dĩ vãng. Tôi không muốn kể lại ở đây vì tôi tin chắc rằng anh chỉ biết rõ tình yêu tuổi trẻ tuổi đẹp ngần nào. Kín cho tôi miễn kể ở đây vì tôi sẽ khóc rất nhiều nếu tôi phải nhắc lại những kỷ niệm ngày xưa ấy.

Vâng, đời không thể trôi qua...

Một chiều xuân ấm. Những tia nắng cuối cùng sắp từ già cỗi trần về một phương trời xa lạ, nhường quỳên ngủ trị muôn loài cho bóng tối vô biên. Vài ánh sao lấp lánh trên bầu trời tím sẫm. Trăng lên phía sau rừng. Gió từ đâu nhẹ thổi, mang theo một âm thanh buồn vô kể. Tôi thấy rợn ngùng trước cái vắng lặng của đêm rồi. Tôi đi thò thân trên đồi và bắt đầu thấy lo lắng vì người yêu tôi trẻ giờ hạn. Những cuối cùng, bóng nàng hiện ra dưới chân đồi. Tôi chạy nhanh về hướng ấy miệng gọi tên nàng. Bỗng thấy bóng nàng như lui dần trước mặt tôi. Thình lình mắt tôi hoa lên và bóng nàng như mở hẳn đi sau một bóng cây. Tôi vấp phải một cành khô và ngã nặng. Người tôi va vào một tảng đá nhỏ. Tôi cố đứng dậy để đuổi theo bóng nàng nhưng một sức mạnh vô hình ghì chặt tôi vào tảng đá. Cùng lúc ấy, một sự sáng suốt phi thường cho tôi nhận biết tôi đã chạy vòng quanh bãi tha ma. Tảng đá dưới ngực tôi là tấm bia ghi tên người trong mộ. Hai chữ J.P. hiện rõ dưới ánh sáng lạnh lùng trong đêm cô quạnh. Và ngày nàng chết - trời ôi! chính ngày này nay trước.

Thien mi University 1961
Nht

CHƯƠNG TRÌNH KINH-TẾ MƯỜI NĂM CỦA NHẬT-BẢN

TRẦN LỮ

Theo Ông Rostow thì nước Nhật Bản bắt đầu **tiến** về phương diện kinh tế (take off) vào năm 1880 và đạt đến thời kỳ trưởng thành (stage of maturity) vào năm 1940. Như vậy về mặt kinh tế Nhật Bản đã tiến trước các nước ở A Châu khá lâu. Sau đại chiến thứ hai, nước Nhật phải xây dựng lại nền kinh tế với viện trợ Mỹ. Nhưng sau đó, nước Nhật cho rằng sức tiến kinh tế đã giảm bớt đi, nên vào năm 1957, nước Nhật vạch ra một chương trình kinh tế 5 năm. Chương trình thu được kết quả mỹ mãn. Nhưng chính phủ Nhật vẫn chưa hài lòng nên vào năm 1960 liên bộ chương trình ấy và vạch ra một chương trình dài hơn gọi là chương trình 10 năm hoặc là "chương trình tăng gấp đôi lợi tức quốc gia" (National income). Chương trình 10 năm ấy được đệ trình lên Thủ Tướng vào tháng 11 năm 1960. Đó là công trình nghiên cứu trong một năm của 200 hội viên trong Hội Đồng Kinh Tế gồm có giao sư, doanh nhân, các nhà chuyên môn....

Chương trình đề nghị những gì? Chương trình 10 năm ấy có mục đích chính là tăng gấp đôi lợi tức quốc gia trong 10 năm và đồng thời nâng cao mức sống của dân chúng. Lợi tức đầu người (per capita income) sẽ tăng từ 300 Mỹ kim (1960) đến \$579 (1970). Như thế tổng năng xuất quốc gia (gross national product) sẽ tăng từ \$36 tỷ trong năm 1960 đến \$72 tỷ vào năm 1970. Nếu ta xét đến sức tăng của dân số thì trong 10 năm nữa lợi tức đầu người sẽ không thể gấp đôi nhưng chỉ **đến** vào khoảng 1,84 lần lớn hơn lợi tức đầu người bây giờ. Nếu tổng năng xuất quốc gia sẽ gấp đôi trong 10 năm thì sức tiến về kinh tế mỗi năm **trung** bình là 7,2%. Muốn đạt đến mục đích này thì Nhật Bản phải giảm kỹ nghệ nhẹ và chú ý tới kỹ nghệ nặng.

Sản xuất của một vài ngành sẽ được tăng lên nhiều vào năm 70-71. Đây là một vài ví dụ. Người ta dự tính rằng vào năm 1970 sản xuất về máy móc sẽ là 2,5 lần lớn hơn sản xuất năm 1960, về kỹ nghệ hoá học

3 lần lớn hơn, về sắt và thép 2,6 lần, về vải 1,9, về xi-măng 2,4 lần về xe hơi 7,2 lần. Sản xuất hàng sẽ nâng cao mức sống của dân chúng. Vào năm 1970 sẽ có nhiều vật phẩm tiêu thụ hơn (consumer goods).

	1960	1970
Máy vô tuyến truyền hình	4,5	22,5 triệu
Tủ lạnh	0,6	13,2
Máy giặt	4,2	18,5
Xe hơi (du lịch)	0,3	2,2

Số gia đình có vô tuyến truyền hình vào năm 1960 là 20,5% sẽ tăng đến 86% vào năm 1970 và số gia đình có máy giặt sẽ tăng từ 19,3% đến 71% cùng trong khoảng thời gian ấy.

Nước Nhật có thể hoàn thành chương trình vĩ đại này không? Để trả lời câu hỏi đó chúng ta phải xét đến cái đã tiên tri của nền kinh tế Nhật, những yếu tố phát triển nền kinh tế và những khó khăn mà Nhật Bản sẽ phải gặp.

Trong những năm trước đại chiến thứ 2, sức tiến trung bình về kinh tế (average rate of economic growth) là từ 4 đến 5%. Nhưng từ năm 1953 đến 1960 thì sức tiến ấy là từ 8 đến 8,5%. Đó là một kết quả mỹ mãn vì thường thường sức tiến về kinh tế chậm lại một khi quốc gia đã được kỹ nghệ hóa. So với sức tiến ấy thì các nước Tây phương cũng phải thua. Với 8,5% Nhật Bản vượt cả Tây Đức (7,5%), Nga Sô (7%). Vào năm 1950-51 (fiscal year) lợi tức quốc gia là 3,3 tỷ yens (hoặc 4,9 tỷ so với giá hiện tại), nhưng vào năm 1960-61 thì lợi tức quốc gia tăng tới 11 tỷ trong lúc đó dân số chỉ tăng có 13% thôi. Từ năm 50-51 đến 60-61 sản xuất về quặng mỏ và chế tạo (manufacturing) tăng đến 5 lần, về vải 4 lần, về kỹ nghệ hóa học 5 lần. Mức sống nhỏ thế cũng được nâng cao. Dân chúng tiêu nhiều về nhà cửa và những việc khác nhiều hơn là tiêu cho thực ăn cần thiết.

	50-51	59-60
Thực ăn	62%	50%
Nhà cửa	6%	10%
Những thứ khác (various expenses)	19%	28%

Mặc dầu sản xuất nhiều nhưng ngoại thương của Nhật đã bị trụt so với thời trước chiến tranh. Vào năm 1937 xuất cảng của Nhật so với xuất cảng của thế giới là 3,95% (so với 3,39% vào năm 1959), và tỷ lệ nhập cảng là 4,17% (so với 3,40% trong năm 1959). Tuy vậy ngành ngoại thương vẫn được tăng đều sau chiến tranh thứ hai.

Năm	Xuất cảng	Nhập cảng
1952	\$1,3 ty	\$2,0 ty
54	1,6	2,4
56	2,5	3,2
58	2,8	3,0
59	3,4	3,5

Nhập cảng tăng vì Nhật Bản cần mua những máy móc và dụng cụ để phát triển kinh tế. Nhờ những con số trên ta có thể thấy rằng đã tiên của nền kinh tế Nhật đang lên mạnh và mức sống đang được nâng cao. Từ năm 56-57 nước Nhật bị lạm phát nên năm 1958 Nhật Bản đánh áp dụng chính sách thắt lưng buộc bụng (tight money policy).

Bây giờ chúng ta xét đến những yếu tố đã làm nên kinh tế Nhật phát

triển. Nghiên cứu về nền kinh tế Nhật, ta sẽ thấy những điểm chính sau này, và ta thử hỏi xem trong mười năm nữa, những yếu-tố ~~gây~~ còn tồn tại không?

Điểm thứ nhất là Nhật Bản có nhiều nhân-công chuyên môn và re. Nhật Bản có nhân công re không phải là mãi mãi nhưng ít nhất cũng còn trong 10 năm nữa (chúng ta sẽ thấy rõ khi chúng ta nói đến dân-số). Ở những nước Tây phương, nhân công rất đắt, vì vậy phẩm vật cũng đắt theo.

Yếu-tố thứ hai là mức đầu-tu ở Nhật Bản; mức ấy tới gần 30% của tổng năng xuất quốc-gia (Gross National Product). Con số ấy được chia ra như sau: 15 đến 17% đầu tư vào dụng cụ do tư-nhân; 9% do chính phủ; 6% đầu tư vào hàng hóa (inventory) và 2% vào xây nhà của tư-nhân. Số đầu tư ấy sẽ giúp cho sự mở mang, cải cách và cạnh tân kỹ-nghệ. Nhưng yếu-tố này sẽ giúp cho nền kinh tế tiến triển. Số đầu tư này có thể giảm bớt trong mười năm nữa nhưng vẫn giữ một địa-vị chủ yếu trong công cuộc phát-triển kinh tế vì Nhật vẫn còn kém xa các nước tây phương nếu xét về phương diện sản-xuất hàng hóa tư-ban.

Một yếu-tố quan trọng khác là hoạt-động của các tư-nhân. Các doanh nhân Nhật đã học được lối buôn-ban của Tây phương: doanh nghiệp, là một yếu-tố quan trọng trong công việc phát triển kinh tế. Yếu tố ấy là đặc điểm của các nhà doanh thương Nhật bây giờ.

Ngoài ra ta còn thấy những điểm khác như sự bớt chi-phí về quân-dội (7% năm 1924-37, 1,5, 1960), không có khủng hoảng kinh-tế nào đáng kể, khung cảnh thuận tiện cho sự xuất cảng sản phẩm kỹ-nghệ, và sức tiêu thụ trong nước tăng mạnh.

Tuy có những yếu-tố thuận tiện ấy, Nhật vẫn gặp nhiều trở ngại trong công cuộc phát triển kinh tế. Đó là dân số, nhân-lực, nông nghiệp và ngoại thương. Nhật Bản liệu có thể vượt qua những trở ngại ấy không?

Vấn-đề thứ nhất là dân-số. Sau chiến tranh, Nhật mất gần 45,5% tổng số đất đai. Điều đó rất thiệt hại vì những đất đai ấy có những tài nguyên mà chính Nhật thiếu. Sau khi mất những đất đai ấy, dân số lại tăng lên nhiều, hơn 4%. Dân bốn triệu dân Nhật phải hồi hương. Ngày nay nước Nhật đứng vào hàng thứ năm về dân số trên thế-giới (93 triệu) nhưng đứng đến thứ 35 về diện-tích. Chỉ 16% diện tích Nhật là cây cấy được; Rất ít nước trên thế-giới có tỷ-số về dân đông và diện-tích nhỏ như vậy. Mật độ trung bình trên một cây số vuông của Nhật vào năm 1958:

Nhật Bản	248
Anh Cát Lợi	213
Tây Đức	210
An-dô	121
Phi Luật Tân	80

Tuy vậy Nhật Bản vẫn còn hy-vọng giải-quyết được vấn-đề dân-số vì sức dân-số-tăng, giảm dân:

1947	2,44%
50	1,61%
55	1,10
58	1,04
59	1,00

Số dân tăng ở Nhật chỉ bằng nửa số tăng ở các nước A châu khác. Sức sinh sản tại Nhật ít hơn ở Tây Đức, Pháp, Ấn Độ, Hoa Kỳ, Hồng Kông, Singapore trong năm 1959, và sức sinh sản ấy giảm dần :

1954	20,19 (trong 1000 người)
56	18,5
58	18,0
59	17,5

Như vậy Nhật bản hy vọng sẽ vượt khỏi vấn đề dân số.

Một khó khăn khác dính liền đến dân số là nhân lực. Dân số tăng thì nhân công cũng tăng; nhưng liệu có đủ việc làm cho nhân công không? Nghiên cứu về việc làm (employment) người ta tìm thấy : sau chiến tranh cho đến năm 1970, dân số làm việc được (work age population) sẽ tăng nhiều vì sinh sản nhiều và số tử ít. Mỗi năm dân số làm việc được (từ 15 đến 59 tuổi) sẽ tăng vào khoảng 1,3 đến 1,4 triệu; sau năm 1970 thì con số đó trừ xuống vào khoảng 0,5 hoặc 0,6 triệu. Sự kiện ấy sẽ giảm bớt khó khăn trong sự kiếm việc làm. Nhân công tăng trong 10 năm, mà những đồng thời công việc cũng tăng vì nền kinh tế được phát triển. Với lợi tức cao, số người đi làm việc (labor participation rate) giảm đi. Số đó hiện nay ở Nhật là 65% nhưng ở các nước Tây phương thì chỉ có 55 hoặc 60% thôi. Trong 10 năm nữa, con số đó ở Nhật có thể trừ; nếu trừ từ 65% đến 60% chẳng hạn thì số nhân công sẽ giảm đi chừng 3 triệu người. Chính phủ Nhật cũng có thể giảm bớt số giờ làm việc (vì lợi tức cao) để tránh vấn đề thiếu việc làm. Phương pháp ấy sẽ có hiệu quả vì nếu số giờ giảm từ 48 giờ một tuần xuống 40 giờ thì số nhân công sẽ trừ đi 20%. Ngoài ra phát triển kinh tế sẽ cần nhiều nhân công mặc dầu dùng nhiều máy móc. Như vậy Nhật hy vọng sẽ có đủ công việc cho nhân công. Nói như vậy không có nghĩa là không có nạn thất nghiệp, nhưng số thất nghiệp sẽ không đáng kể. Xét đoán những yếu tố trên, ta có thể thấy rằng Nhật Bản rất có triển vọng vượt khỏi vấn đề dư nhân lực và như vậy nước Nhật sẽ đạt được mục tiêu của kế hoạch.

Vấn đề tiếp theo mà được Nhật lưu ý tới là nền kinh tế nhị tính (dual economy). Mặc dầu đã kỹ nghệ hóa, Nhật Bản vẫn còn một số lớn nhân công trong ngành nông nghiệp. Nếu Nhật không thể giảm bớt nhân công nông nghiệp, sự phát triển kinh tế sẽ bị chậm lại. Tổng số nhân công ở Nhật là 43 triệu, nhưng 13,7 triệu thuộc ngành nông nghiệp (1959) trong lúc đó Hoa Kỳ chỉ có 7,2 triệu thuộc nông nghiệp (trong tổng số 71 triệu) và ở Anh Cát Lợi chỉ có 1 triệu (tổng số 24 triệu). Vì vậy Nhật Bản cần kêu gọi dân Nhật rời bỏ ngành Nông và đồng thời dùng máy móc dụng cụ vào nông nghiệp để tăng gia năng xuất. Chính phủ Nhật đã nhận thấy nhân công ở nông nghiệp giảm dần đi: năm 1953, 15 triệu; 1956, 14 triệu; năm 1959 13,7 triệu. Như vậy Nhật sẽ hy vọng vượt khỏi nền kinh tế nhị tính.

Vấn đề quan trọng nhất đối với Nhật Bản là ngoại thương. Nước Nhật thiếu nhiều tài nguyên nên phải nhập cảng nhiều thực phẩm và gần đến 3/4 nguyên liệu. Nhập cảng nhiều như vậy, Nhật Bản phải tăng gia xuất cảng. Ở đây chính phủ Nhật lại gặp nhiều khó khăn. Vấn đề chính là các nước ngoại quốc phân biệt hàng hóa Nhật (discrimination) vì sự khác biệt giữa giá cả của hàng hóa Nhật và hàng hóa Ngoại quốc. Vì vậy nước

Nhật cần yêu cầu các nước Tây phương bãi bỏ hạn-chế (restriction) đối với hàng Nhật và đồng thời Nhật Bản cũng phải mở rộng ngành ngoại thương của mình về phương diện nhập cảng (liberalization program). Nhật Bản đã quyết định vào tháng Sáu năm 1960 là sẽ tăng nhập cảng vào khoảng 80%, những hàng bị hạn-chế (regulated import commodities) trong ba năm tới (trong năm 60 con số đó chỉ là 44%). Nhật Bản rất thận trọng trong công việc tăng gia nhập cảng vì nhập cảng nhiều rất thiệt hại cho nền kinh tế. Con số ngoại thương của Nhật năm 1960 bị trừ xuống số với con số trước Thế Chiến Thứ Hai. Nhưng nếu xét đến nền kinh tế nước Nhật hiện nay, ta thấy ngành ngoại thương của Nhật sẽ tiến mạnh trong những năm tới. Ủy-Ban Kế Hoạch Kinh tế Nhật đã nghiên cứu và dự tính rằng Nhật sẽ tăng nhập cảng từ 13 hoặc 14 % của lợi tức quốc gia năm 1960 đến 16% vào 1970. Như vậy xuất cảng cũng phải được phát triển mạnh. Dự tính xuất cảng trong năm 1970 sẽ là \$ 9.320 triệu (gấp 3 lần xuất cảng năm 1959 : \$ 3.456 triệu). Nếu so với ngoại thương thế-giới, sản xuất Nhật sẽ tăng từ 3,5% ngoại thương thế-giới (1959) tới 5,2% (1970) và tới 5,8% (1980). Với nền ngoại thương như vậy, nước Nhật có hy vọng giải quyết được những khó khăn trên.

Trong bài này, chúng ta đã xét đến những đặc-diểm của kế hoạch kinh tế 10 năm của Nhật, những yếu-tố giúp nền kinh tế phát triển, những yếu-tố có thể cản trở sự tiến triển ấy. Vậy chúng ta có thể đi đến kết luận nào về chương trình 10 năm này, chương trình tăng gấp đôi lợi tức quốc gia?

Có nhiều giả-thuyết. Có người bảo kế hoạch này chỉ là một con đường vạch ra cho chính-phủ Nhật theo. Mục đích của kế-hoạch không nhất định, có thể thay đổi. Chương trình chỉ là một dự tính tiên đoán hướng đi của nền kinh-tế chứ không phải là một chương trình nhất định cho những hoạt động kinh tế. Có kẻ lại cho rằng chính phủ Nhật lại có thể đạt mục đích của kế-hoạch. Năm đầu tiên của kế hoạch bắt thành công. Đầu tư vào kỹ nghệ trong năm đầu tiên lên đến gần 8 tỷ Mỹ kim, như vậy là đã đạt được phần nửa mục tiêu của kế hoạch mười năm về ngành kỹ-nghệ. Tam tỷ Mỹ kim là một con số vĩ đại đối với Nhật Bản : số đầu tư ấy bằng 1/3 số đầu tư ở Mỹ trong lúc tổng năng xuất quốc-gia của Mỹ gấp gần 14 lần tổng năng xuất quốc gia của Nhật. Theo những sự kiện và con số trong bài này, chúng ta có thể tin rằng nước Nhật có thể tăng gấp đôi lợi tức đầu người trong mười năm nữa. Vào năm 1970, lợi tức đầu người ở Nhật sẽ tăng lên \$ 579 nhưng vẫn còn thua lợi tức đầu người ở Pháp hoặc Tây Đức trong năm 1969 (vào khoảng 700 Mỹ kim).

Dân Nghệ Nước Nhà

Trích trong Tập San "Sông-Dòng Miền Nam"
Tập II số 9 và 10 Tháng Chín và Mười
1961 ;

Dân nhạc hưa tàu Sài-Gòn, dưới quy-
ên điều khiển của nhạc trưởng Otto Soell-
ner, đã trình diễn một chương trình đặc
biệt tại rạp Đại-Nam Sài-gòn ngày 1-8-61.
Otto Soellner đã điều khiển dân nhạc tri-
nh diễn một cách rất xuất sắc các nhạc
phẩm cổ-diện tay phụng với sự phụ họa
vi cầm của nữ nhạc sỹ Renee Fung (giải
nhất vi cầm Nhạc Viện Paris).

Một số nghệ sỹ sân khấu tân, cổ
nhạc đã tới tham dự buổi thảo luận về
"Phát triển nghệ thuật trình diễn sự sô"
nhóm tam Công dân Vũ ngày 7-8-61, dưới
quyên chủ-tọa của ông Bộ trưởng Công dân
vụ. Cuộc thảo luận đưa tới : mỗi bộ môn
(tuồng cổ, cải lương, chèo cổ, tân nhạc)
sẽ cử một nghệ sỹ đại diện đề soạn thảo
chương trình, hợp tác với bộ công-dân Vũ
tuyên cho nghệ sỹ, tổ-chức các buổi tập
đượt để chuẩn bị di trình diễn nghệ thuật
dân-tộc tại Pháp, Mỹ, Úc, Anh vào dịp lễ
giáng sinh năm nay.

Nhân dịp Hội Thờ Quốc Tế, nhóm hai
nam một lần, phiên họp thủ năm 1961 sẽ
khai mạc tại Kpckele-Zoute (Bi), thi sỹ
Đông Hồ cho phát hành 1000 thi-tập
"Trình-Trắng", đặc an phẩm của nhà xuất
ban Bón-Phường.

Nhà xuất bản Les Editions du Scorpion
ở Paris đã cho phát hành cuốn sách "La
philosophie universelle" của một tác-gia
người Việt, ông Trang Khanh Thanh.

Cuốn tiểu thuyết có giá trị được
phát hành trong tháng qua là cuốn "Mây
người con trai Vương Long", nguyên tác
của nữ-sĩ Pearl S. Buck giải thưởng Nobel
về văn chương, Cơ Sở Báo Chí và Xuất Bản
Tú-Do phát hành, Ông Nguyễn Thế Vinh là
dịch giả.

THÔNG CAO

của Ban Cố-Động Lâm Thời tại Chicago
(kỳ họp tại Lake Forest, Ill. Giáng
Sinh 1960)

Chúng tôi đã thăm dò ý-kiến các bạn trên
báo Chuông Việt tháng 7 năm 1961. Số tiền
quyên cho ban Văn động hiện còn là sáu
mười một dollars (61.00). Chúng tôi đã
quyết định phân phối số tiền ấy như sau:

Giúp nạn lụt quả Chuông Việt	30.00
Giúp hội SVCGV tại Mỹ	15.00
Ung hộ ban cố-động Hoa Thịnh Đốn	15.00
Tiền mua tem và bưu phiếu	1.00

tổng cộng 61.00

Chúng tôi rất cảm ơn các bạn đã đóng
góp số tiền ấy và thay mặt các đồng-ban
nạn lụt cảm ơn các bạn một lần
nữa.

Ban Cố-Động Lâm thời tại Chicago
và Nguyễn Quý Đình
(thủ ký, thủ quỹ)

TRANG TẠI-CHÍNH

CHUNG tôi, Ủy-ban cố-động thành lập
Tông hội Sinh-viên V.N. tại Mỹ, xin thành
thực cảm ơn những bạn đã giúp chúng tôi
trong việc xuất-bản và phát hành tờ "Sinh
Viên" và việc vận-dòng thành-lập Tông-Hội.

Sau đây là danh sách những bạn đã gửi
đền giúp chúng tôi từ tháng 11-1961 tới
tháng 2-1962 :

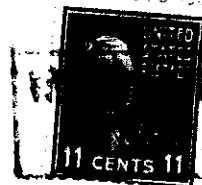
Chị Trần thị Ngân	5.00
Anh Lê trọng Mậu	5.00
Những bạn trong ban cố-động lâm thời	15.00

Tình Trang tại-chính của chúng tôi đến
ngày 20-2-1962 là:

Thu	120.89
Chi	38.09
Còn	82.84

Xin thông báo cùng các bạn và một
lần nữa cảm ơn các bạn.

Thay mặt ủy-ban cố-động
Nguyễn Hà Hải.



American Friends of Viet-Nam
7 West 40th St.
New York **18**, N.Y.